

Số: 1667/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 12 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án “Nhà máy sản xuất chế tạo thép hình và cơ khí Bắc Việt”**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất chế tạo thép hình và cơ khí Bắc Việt” ngày 17/01/2020 tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất chế tạo thép hình và cơ khí Bắc Việt” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 07/2020/BVI-CV ngày 26/04/2020 của Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 239/TTr-STNMT ngày 29/5/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất chế tạo thép hình và cơ khí Bắc Việt” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt (là Chủ dự án) thực hiện tại Khu công nghiệp Gia Lễ, thôn Tô Hiệu, xã Đông Quang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình với các nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan kiểm tra việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định: Số 1911/QĐ-UBND ngày 21/7/2008, số 1200/QĐ-UBND ngày 16/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đông Hưng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đông Quang; Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, KTTNMT.

KS

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Khắc Thận

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
(Kèm theo Quyết định số 1667/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

1. Thông tin về Dự án:

- Tên dự án: Nhà máy sản xuất và chế tạo thép hình và cơ khí Bắc Việt.
- Chủ dự án: Công ty Cổ phần Công nghiệp Bắc Việt.

Địa chỉ: Số 1, lô F, Khu công nghiệp Gia Lễ, thôn Tô Hiệu, xã Đông Quang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

- Địa điểm thực hiện dự án: Khu công nghiệp Gia Lễ, thôn Tô Hiệu, xã Đông Quang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

- Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

+ Quy mô, công suất: Sản xuất giàn giáo, cốp pha, thùng thép, pano, hàng rào lưới thép công suất 3.000 tấn/năm; sản xuất kết cấu thép phi tiêu chuẩn và nội thất công suất 5.000 tấn/năm.

+ Diện tích đất sử dụng: 43.797,1 m².

- Các hạng mục, công trình chính của Dự án:

+ Phân xưởng sản xuất cốp pha, phân xưởng sản xuất giàn giáo: 7.055,1 m²;

+ Xưởng sản xuất cơ khí, kết cấu 1: 2.839,7 m²;

+ Xưởng sản xuất cơ khí, kết cấu 2: 2.839,7 m²;

+ Xưởng sản xuất cơ khí, kết cấu 3: 2.475 m²;

+ Xưởng sản xuất cơ khí, kết cấu 4: 4.060 m²;

+ Xưởng mạ: 1.440,3 m².

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Bụi, khí thải từ thi công, vận chuyển vật liệu, chất thải; nước thải sinh hoạt của công nhân; chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại từ máy móc, thiết bị phục vụ thi công, vận hành dự án đang hoạt động; tiếng ồn do hoạt động thi công, vận hành dự án đang hoạt động.

- Giai đoạn vận hành: Khí thải, tiếng ồn, nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Giai đoạn thi công xây dựng (bổ sung dây chuyền mạ nhúng nóng):

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng khoảng 1,35 m³/ngày; thành phần chủ yếu gồm: các cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD) và các chất dinh dưỡng (N,P) và colifom.

+ Nước thải xây dựng khoảng 1,5 m³/ngày; thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, đất, cát.

- Giai đoạn vận hành:

+ Nước thải sinh hoạt khoảng 14,15 m³/ngày; thành phần chủ yếu gồm: các cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD) và các chất dinh dưỡng (N, P) và coliform.

+ Nước thải sản xuất khoảng 47,4 m³/ngày; thành phần chủ yếu gồm: các hợp chất hữu cơ (BOD/COD cao), độ đục (TSS cao), dầu mỡ khoáng, các kim loại nặng như Fe, Zn, Cr, ...

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải, tiếng ồn:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Bụi từ khu tập kết nguyên vật liệu, thi công xây dựng; từ các phương tiện vận chuyển nguyên nhiên vật liệu, thi công xây dựng.

- Giai đoạn vận hành: Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông, hoạt động gia công cơ khí (khói hàn); từ các bể làm sạch bề mặt, thành phần chủ yếu gồm: bụi, SO₂, NO_x, hơi H₂SO₄, hơi NaOH; từ buồng sấy sơn sử dụng khí gas LPG, thành phần gồm: CO₂, H₂O, HC, CO, NO_x với lượng nhỏ nằm trong giới hạn cho phép; từ 02 dây chuyền phun sơn tĩnh điện khô, thành phần là bụi sơn; từ 01 dây chuyền mạ nhúng nóng, thành phần gồm: bụi, hơi NH₃, hơi Zn, hơi H₂SO₄, hơi NaOH, SO₂, NO_x, CO; mùi hôi từ hệ thống thoát nước và xử lý nước thải; tiếng ồn.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Giai đoạn thi công xây dựng: chất thải rắn xây dựng khoảng 20 kg/ngày; chất thải rắn sinh hoạt khoảng 9 kg/ngày.

- Giai đoạn vận hành: chất rắn sinh hoạt khoảng 63 kg/ngày đêm; chất thải rắn sản xuất khoảng 303 tấn/năm, chủ yếu gồm sắt thép vụn và các sản phẩm lỗi hỏng, kẽm cứng; bùn cặn từ hệ thống thoát nước mưa khoảng 6m³/năm.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Giai đoạn thi công xây dựng: không phát sinh.

- Giai đoạn vận hành: Chất thải nguy hại phát sinh gồm: bùn thải từ trạm xử lý nước thải khoảng 1.050kg/năm, than hoạt tính khoảng 1.080kg/năm, cát, đá trong xử lý nước thải khoảng 5.040kg/năm, bùn cặn chứa kim loại nặng khoảng 266,7kg/năm, cặn sơn khoảng 60kg/năm, vỏ bao bì đựng hóa chất khoảng 600kg/năm, giẻ lau dính dầu khoảng 250kg/năm, dầu thải khoảng 350kg/năm, bóng đèn huỳnh quang hỏng khoảng 30kg/năm, xỉ phát sinh từ bề mặt mạ kẽm khoảng 5.000kg/năm.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt: thu gom, xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt hiện có của Dự án đang hoạt động sau đó đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Gia Lễ theo Hợp đồng dịch vụ thoát nước số 03/2019/DVTN-GL/XXTL-BACVIET ngày 01/8/2019 với Công ty Cổ phần Xanh và Xanh Thăng Long (đơn vị quản lý vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Gia Lễ).

+ Nước thải xây dựng: thu gom vào bể lắng bằng nhựa HDPE thể tích 0,5m³ để lắng sau đó lọc qua vải địa kỹ thuật sau đó tái sử dụng hút bơm lên hồ

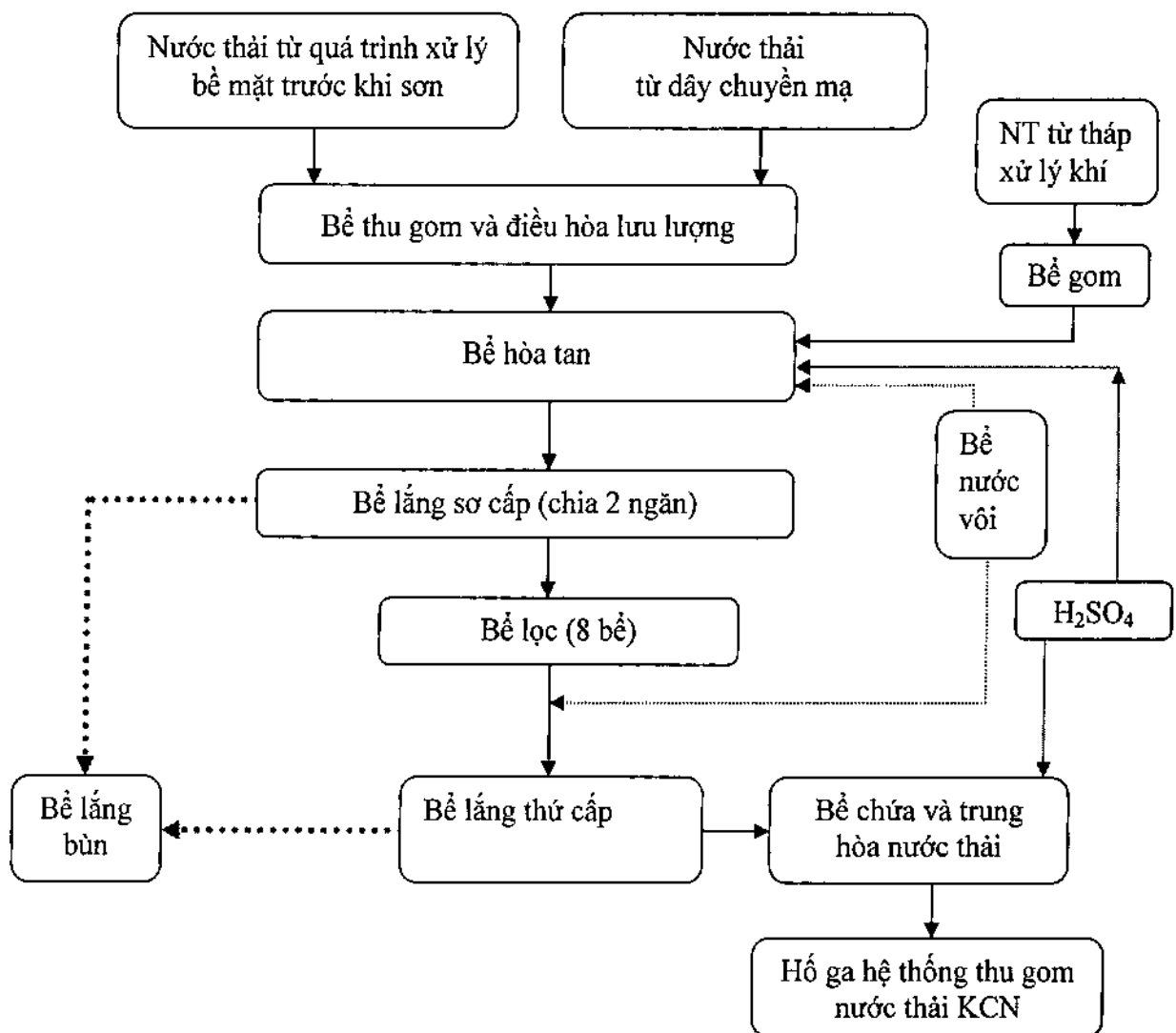
móng và phun ảm bề mặt khu vực xây dựng.

- Giai đoạn vận hành:

+ Nước thải sinh hoạt: xử lý qua 3 bể tự hoại thể tích lần lượt 3m^3 , 15m^3 , 15m^3 , sau đó đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Gia Lễ.

+ Nước thải sản xuất: Cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải tập trung hiện có lên $70\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm, nước thải sau xử lý đạt TCVN 5945:2005 cột C, trong đó hàm lượng COD không vượt quá $400\text{mg}/\text{lít}$ (theo hợp đồng dịch vụ thoát nước với đơn vị quản lý vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Gia Lễ), sau đó đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Gia Lễ.

Quy trình xử lý:



Kích thước các bể:

T	Hạng mục	Cấu tạo	Số lượng
1	Bể nước vôi trong	$D \times R \times C = 2\text{m} \times 0,5\text{m} \times 1\text{m}$; Đáy BTCT, tường gạch thẻ 110.	02
2	Bể gom nước thải của tháp XLKT	$D \times R \times C = 2\text{m} \times 1,5\text{m} \times 1\text{m}$. BTCT	01

3	Bể thu gom và điều hòa lưu lượng	Bồn nhựa HDPE thể tích 2 m ³	02
4	Nhóm bể hòa tan	Bồn nhựa HDPE thể tích 1,5 m ³	02
5	Hệ thống bể lọc	Bồn nhựa HDPE thể tích 1,15 m ³ , kích thước DxRxC = 1m x 1m x 1,15m	08
6	Bể lắng sơ cấp	DxRxC = 6,88 m x 5,46 m x 1,8 m. Nền BTCT, móng xây gạch đặc mác 75#, vữa xi măng mác 75#, tường gạch thẻ 110 chia 2 ngăn	01
7	Bể lắng thứ cấp	DxRxC = 7,45 m x 5,47 m x 1,8 m. Nền BTCT, móng xây gạch đặc mác 75#, vữa xi măng mác 75#, tường gạch thẻ 110 chia 2 ngăn (ngăn thứ nhất làm bể lắng thứ cấp, ngăn thứ hai là bể chứa và trung hòa nước thải sau xử lý)	01
8	Bể lắng bùn	DxRxC = 8 m x 3 m x 1m. Nền BTCT, móng xây gạch đặc mác 75#, vữa xi măng mác 75#, tường gạch thẻ 110	01

3.2. Về xử lý bụi, khí thải, tiếng ồn:

- Giai đoạn thi công xây dựng: phun nước, tưới ẩm bề mặt; làm hàng rào, phủ bạt che chắn ...

- Giai đoạn vận hành:

+ Đối với phương tiện giao thông: định kỳ kiểm định, bảo dưỡng phương tiện giao thông, phun âm đường, vệ sinh kho bãi, bê tông hóa sân đường, trồng cây xanh.

+ Đối với bụi từ sơn tĩnh điện khô: Đầu tư buồng phun sơn kín có bố trí hệ thống thu hồi bụi sơn bằng xyclon để tái sử dụng.

Thông số kỹ thuật của hệ thống thu hồi bụi sơn: Quạt hút ly tâm 3 pha-220/380, công suất 4KW, lưu lượng 3.500m³/h, áp suất 2.800 Pa; xyclon kích thước Ø600, chiều cao 2.800mm.

+ Đối với khí thải phát sinh từ dây chuyền mạ nhúng nóng:

Khí thải từ quá trình đốt cháy dầu Diesel nung chảy kẽm (bụi, SO₂, NO_x, CO), khí thải từ bể mạ nhúng nóng (bụi, hơi Zn), khí thải từ bể trợ dung (NH₃) được thu gom bằng hệ thống đường ống Ø200-700 đưa vào tháp hấp thụ sử dụng giàn phun dung dịch NaOH, sau đó khí thải tiếp tục được đưa qua tháp hấp phụ sử dụng than hoạt tính sau đó thải ra ngoài môi trường qua ống khói cao 15m.

Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý khí thải: Tháp khí hình trụ đứng đường kính Ø3.000 mm, chiều cao 7.250 mm, sử dụng vật liệu SUS 304 độ dày 2 mm; tháp than hoạt tính nằm ngang có kích thước 2.000Lx2.000Wx2.000H x2mm; ống khói cao 15 m, đường kính Ø700 mm; quạt khí 3 pha-380V, 50Hz, công suất 22 KW với lưu lượng khoảng 16.000m³/h.

Chất lượng bụi, khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ - cột B.

+ Đối với mùi, khí thải từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải: Mạng lưới

thoát nước thải được xây dựng bằng hệ thống ống PVC kín; bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý được đơn vị thu gom định kỳ và vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

+ Đối với tiếng ồn: hiện đại hóa thiết bị, lắp đệm chống ồn, bảo dưỡng máy móc thiết bị, trồng cây xanh.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Chất thải rắn xây dựng: cát, đá, bê tông thừa được thu gom tái sử dụng ngay khi phát sinh để san lấp mặt bằng; vỏ bao xi măng, bìa carton, sắt thép vụn được bán cho đơn vị thu mua phế liệu trong khu vực.

+ Chất thải rắn sinh hoạt: thu gom vào các thùng đựng rác, sau đó nhà thầu sẽ hợp đồng với đội vệ sinh môi trường của xã hằng ngày tiến hành thu gom vận chuyển và xử lý.

- Giai đoạn vận hành:

+ Chất thải rắn sản xuất: phân loại tại nguồn, bố trí khu vực tập kết phế liệu kim loại diện tích $40m^2$ (đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại điểm A Phụ lục III Mục III Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP) sau đó hợp đồng bán phế liệu cho đơn vị có chức năng. Phế liệu là nilon, bìa carton bán cho đơn vị thu mua phế liệu trong khu vực. Bùn đất từ hệ thống thoát nước mưa định kỳ nạo vét trồng cây.

- Chất thải rắn sinh hoạt: thu gom vào thùng thể tích $0,5m^3$, ký hợp đồng với đội vệ sinh môi trường xã vận chuyển, xử lý.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Giai đoạn vận hành: Chất thải nguy hại được thu gom, lưu giữ tại 02 kho: 1 kho có diện tích $40m^2$, 1 kho có diện tích $50m^2$, hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

Khu lưu giữ chất thải nguy hại đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT.

3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường: vận hành đúng quy trình; thường xuyên tiến hành kiểm tra, đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống; khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động sản xuất phát sinh nước thải, tiến hành sửa chữa khắc phục.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

- Hệ thống thu gom xử lý nước thải sản xuất công suất $70m^3$ /ngày đêm, nước thải sau xử lý đạt TCVN 5945:2005 cột C, trong đó hàm lượng COD không vượt quá $400mg/lít$ (theo hợp đồng dịch vụ thoát nước với đơn vị quản lý vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Gia Lễ);

- Hệ thống xử lý khí thải: tại dây chuyền phun sơn tĩnh điện khô; dây chuyền mạ kẽm nhúng nóng.

- Công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án:

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Giám sát nước thải: giám sát theo Hợp đồng dịch vụ thoát nước với đơn vị quản lý vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Gia Lễ.

+ Vị trí giám sát: tại hố thu gom nước thải sau xử lý trước khi đầu nổi vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Gia Lễ.

+ Tần suất giám sát: theo hợp đồng dịch vụ thoát nước.

+ Thông số giám sát: các thông số theo TCVN 5945:2005 cột C, trong đó hàm lượng COD không vượt quá 400mg/lít.

- Giám sát chất thải rắn thông thường.

5.2. Giai đoạn vận hành Dự án:

- Giám sát nước thải: theo hợp đồng đầu nổi nước thải với đơn vị quản lý vận hành trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Gia Lễ

+ Vị trí quan trắc: 01 điểm nước thải sau xử lý tại hố thu gom trước khi đầu nổi vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Gia Lễ.

+ Thông số quan trắc: lưu lượng, các thông số theo TCVN 5945:2005 (Cột C).

+ Quy chuẩn so sánh: TCVN 5945:2005 (Cột C) - Nước thải công nghiệp- Tiêu chuẩn thải, trong đó hàm lượng COD không vượt quá 400mg/lít.

- Giám sát khí thải:

+ Vị trí giám sát: 01 điểm tại cửa lấy mẫu trên thân ống khói.

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

+ Thông số quan trắc: lưu lượng; bụi tổng, SO₂; NO_x; CO, NH₃, Zn.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ - cột B.

- Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

+ Giám sát chất thải rắn: giám sát về khối lượng, hóa đơn, chứng từ chuyển giao cho đơn vị có đầy đủ chức năng xử lý.

Giám sát bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: phân tích và xác định ngưỡng CTNH được thực hiện theo quy định tại QCVN 50:2013/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước.

+ Giám sát chất thải nguy hại: giám sát về khối lượng, hóa đơn, chứng từ chuyển giao cho đơn vị có đầy đủ chức năng xử lý CTNH.

Quy định áp dụng: các Nghị định của Chính phủ: số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015, số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đến Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi bắt đầu vận hành thử nghiệm ít nhất 20 ngày làm việc.

- Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường trước khi hết hạn thời gian vận hành thử nghiệm 30 ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật./.